

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2026/DS-ST
Ngày: 12-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng cho vay
(tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Kim Tuyền.

2. Ông Nguyễn Văn Niều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở 1 - Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 524/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp dân sự hợp đồng cho vay (tín dụng), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sau đây viết tắt là S1). Địa chỉ: G Phố T, phường C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu H, chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Thanh N, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh S1. Ông Trịnh Thanh N ủy quyền lại cho ông Nguyễn Anh T - Chuyên viên xử lý nợ S1. Địa chỉ: A - A N, phường C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2026).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Phi H1, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Nhung E, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2025, trong quá trình tiến hành tố tụng, cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn S1, trình bày:

Ông Phạm Phi H1 có quan hệ tín dụng với S1 theo Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 67/2024/HDHM-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024 và khế ước nhận nợ với nội dung: Giá trị hạn mức vay vốn: 14.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn nuôi cá thác lác cườm thịt. Thời hạn duy trì hạn mức vay vốn: 12 tháng (Từ ngày 06/11/2024 đến ngày 06/11/2025). Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức vay vốn được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ nhưng tối đa 06 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên A giải ngân vốn cho Bên B. Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ. Lãi suất chậm trả lãi: Trường hợp Khách hàng không thanh toán lãi đúng hạn, thì Khách hàng phải trả lãi chậm trả lãi cho S1 theo mức lãi suất chậm trả quy định của S1 tại thời điểm chậm trả lãi và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi. Lãi suất cho vay quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng số ngày thực tế chậm trả gốc.

Thực hiện Hợp đồng trên, S1 đã giải ngân cho Ông Phạm Phi H1 số tiền 13.300.000.000 đồng theo các Khế ước nhận nợ sau: Khế ước nhận nợ số 01-67/2024/HDHM-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024 với số tiền nhận nợ 7.300.000.000 đồng. Khế ước nhận nợ số 02-67/2024/HDHM-CN/SHB.131502 ngày 12/3/2025 với số tiền nhận nợ 6.000.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên ông Phạm Phi H1 và bà Phạm Nhung E đã thế chấp các tài sản sau:

- Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 123, Tờ bản đồ số: 52, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (cũ), theo GCN số phát hành DN 744175, sổ vào sổ cấp GCN: CN06189, cấp ngày 04/01/2024 cho ông Phạm Phi H1. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 24/04/2024, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Tài sản 2: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 35, Tờ bản đồ số: 27, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (cũ), theo GCN số phát hành DG 496841, sổ vào sổ cấp GCN: CS06487, cấp ngày 11/10/2022 cho ông Phạm Phi H1.

- Tài sản 3: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 38, Tờ bản đồ số: 27, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (cũ), theo GCN số phát hành DG 496842, sổ vào sổ cấp GCN: CS06488, cấp ngày 11/10/2022 cho ông Phạm Phi H1.

S1 nhận thế chấp tài sản 2, tài sản 3 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 36/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 28/08/2024, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Tài sản 4: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 36 Tờ bản đồ số: 38, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (cũ) theo GCN số phát hành DN 744179, sổ vào sổ cấp GCN: CN05743, cấp ngày 03/01/2024 cho bà Phạm Nhung E. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 61/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Tài sản 5: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 296, Tờ bản đồ số: 59, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (cũ), theo GCN số phát hành DG 656303, sổ vào sổ cấp GCN: CS10252, cấp ngày 23/06/2022 cho ông Phạm Phi H1. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 60/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Tài sản 6: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 363, Tờ bản đồ số: 64, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (cũ), theo GCN số phát hành BT 539026, sổ vào sổ cấp GCN: CH01118, cấp ngày 22/09/2014 cho ông Phạm Phi H1. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 58/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Tài sản 7: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 614, Tờ bản đồ số: 64, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (cũ), theo GCN số phát hành BD516250, sổ vào sổ cấp GCN: CH00423, cấp ngày 22/04/2011, cập nhật chuyển nhượng cho ông Phạm Phi H1 ngày 03/08/2022. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 59/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên Ông Phạm Phi H1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho SHB nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 11/9/2025, Ông Phạm Phi H1 đã trả S1 tổng số tiền là: 1.248.855.188 đồng, trong đó: 1.011.015.468 đồng tiền gốc, 237.839.720 đồng tiền lãi.

Tạm tính đến ngày 11/9/2025, Ông Phạm Phi H1 đang còn nợ S1 số tiền tổng cộng là 12.733.366.148 đồng, cụ thể: Nợ gốc 12.288.984.532 đồng; Nợ lãi trong hạn 205.658.477 đồng; Nợ lãi quá hạn 238.723.139 đồng. Lãi sẽ tiếp tục

phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông Phạm Phi H1 tắt toán nợ.

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, S1 đã nhiều lần đôn đốc, gửi Văn bản yêu cầu ông Phạm Phi H1, bà Phạm Nhung E thực hiện thanh toán nợ hoặc bên bảo đảm bàn giao tài sản thế chấp, đồng thời tạo điều kiện cho ông Phạm Phi H1, bà Phạm Nhung E thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S1, tuy nhiên ông Phạm Phi H1, bà Phạm Nhung E không thực hiện, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của S1.

S1 yêu cầu: Buộc ông Phạm Phi H1 phải trả SHB tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 12.733.366.148 đồng. Buộc ông Phạm Phi H1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo từ ngày 12/9/2025 cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản vay. Trường hợp ông Phạm Phi H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên SHB được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với 7 tài sản đã nêu trên. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Phạm Phi H1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ khoản vay cho S1 cho đến khi thanh toán xong.

Ngày 31/12/2025, S1 có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, có nội dung:

Ngày 30/12/2025, Khách hàng đã thanh toán số tiền gốc 4.000.000.000 đồng và S1 đã đồng ý cho bên bảo đảm rút 02 tài sản bảo đảm: Tài sản 1: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 36; tờ bản đồ số 38; phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Tài sản 2: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 123; tờ bản đồ số 52; phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Vì vậy, S1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ còn yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết: Buộc ông Phạm Phi H1 phải trả SHB tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/12/2025 là 9.137.581.532 đồng, cụ thể như sau: Nợ gốc 8.288.984.532 đồng; Nợ lãi trong hạn 229.033.817 đồng; Nợ lãi quá hạn 621.509.352 đồng. Buộc ông Phạm Phi H1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo từ ngày 01/01/2026 cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản vay. Trường hợp ông Phạm Phi H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên SHB được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 36/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 28/08/2024; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 60/2024/HĐTC-

CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 58/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 59/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024, cụ thể là:

- Tài sản 1: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 35, Tờ bản đồ số: 27, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (cũ).

- Tài sản 2: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 38, Tờ bản đồ số: 27, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (cũ).

- Tài sản 3: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 296, Tờ bản đồ số: 59, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (cũ).

- Tài sản 4: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 363, Tờ bản đồ số: 64, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (cũ).

- Tài sản 5: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 614, Tờ bản đồ số: 64, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (cũ).

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Phạm Phi H1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ khoản vay cho S1 cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn, ông Phạm Phi H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Phạm Nhung E, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) nhưng ông H1, bà E vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Buộc bị đơn ông Phạm Phi H1 trả cho nguyên đơn SHB số tiền vay còn nợ gốc, lãi mà các bên thỏa thuận theo quy định pháp luật; Đình chỉ phần yêu cầu của S1 đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự thỏa thuận cấp tín dụng bằng hình thức cho vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Tòa án đã thông báo cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các thông báo thụ lý, hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng họ không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà S1 đưa ra nên S1 không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của BLTTDS.

[4] S1 rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu đã rút, giảm số tiền trả nợ và tài sản thế chấp đã xử lý xong theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của BLTTDS.

[5] Xét việc S1 yêu cầu ông H1 trả số tiền vay còn nợ và tiếp tục tính lãi theo các văn bản cho vay đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ, xử lý hợp đồng thế chấp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 292, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự, các Điều 100, 102, 103 và 107 của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N1, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của S1, buộc ông H1 phải trả cho SHB toàn bộ số tiền vay còn nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/12/2025, gồm: Nợ gốc 8.288.984.532 đồng, nợ lãi trong hạn 229.033.817 đồng, nợ lãi quá hạn 621.509.352 đồng, tổng cộng 9.137.581.532 đồng (Chín tỷ một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm tám mươi một nghìn năm trăm ba mươi hai đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 01/01/2026 theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết cho đến khi trả nợ xong. SHB có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định chung.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc ông H1 phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, số tiền 117.137.000 đồng. Trả lại cho S1 tiền tạm ứng án phí đã nộp 60.144.492 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 292, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 102, 103 và 107 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu giảm số tiền trả nợ và tài sản thế chấp đã xử lý xong của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã rút.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SNội.

2.1. Buộc ông Phạm Phi H1 có nghĩa vụ trả (thanh toán) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền vay còn nợ tính đến ngày 31/12/2025 là 9.137.581.532 đồng (Chín tỷ một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm tám mươi một nghìn năm trăm ba mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc 8.288.984.532 đồng, nợ lãi trong hạn 229.033.817 đồng, nợ lãi quá hạn 621.509.352 đồng.

2.2. Buộc ông Phạm Phi H1 phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2026 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 67/2024/HĐHM-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024 và các Khế ước nhận nợ 01-67/2024/HĐHM-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024; số 02-67/2024/HĐHM-CN/SHB.131502 ngày 12/3/2025.

2.3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 36/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 28/8/2024; số 60/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024; số 58/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024; số 59/2024/HĐTC-CN/SHB.131502 ngày 06/11/2024, đối với các tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 35, Tờ bản đồ số: 27, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp), số 38, Tờ bản đồ số: 27, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp), số 296, Tờ bản đồ số: 59, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), số 363, Tờ bản đồ số: 64, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Nay là phường A, tỉnh Đồng Tháp), số 614, Tờ bản đồ số: 64, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Nay là phường A, tỉnh Đồng Tháp), để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

2.4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, thì ông Phạm Phi H1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SNội đến khi trả nợ xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Phạm Phi H1 chịu 117.137.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

3.2. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 60.144.492 đồng theo Biên lai số 0006053 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/6/2026); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú